# BÁO CÁO LAB 3

Môn: An toàn mạng máy tính nâng cao

GVTH: Đỗ Thị Phương Uyên

Sinh viên thực hiện	Sinh viên 1  MSSV: 21521182  Họ tên: Nguyễn Đại Nghĩa  Sinh viên 2  MSSV: 21521295  Họ tên: Phạm Hoàng Phúc  Sinh viên 3  MSSV: 21521848  Họ tên: Hoàng Gia Bảo				
	Sinh viên 4 MSSV: 21521386 Họ tên: Lê Xuân Sơn				
Lớp	NT534.O21.ATCL.1				
Tổng thời gian thực hiện Lab trung bình					
Phân chia công việc (nếu là nhóm)	[Sinh viên 1]: Lab 1, Lab 2, Task 1 Lab 3				
	[Sinh viên 2]: Task 4, 5 Lab 3				
	[Sinh viên 3]: Task 6, 7 Lab 3				
	[Sinh viên 4]: Task 2, 3 Lab 3				
Link Video thực hiện (nếu có yêu cầu)					

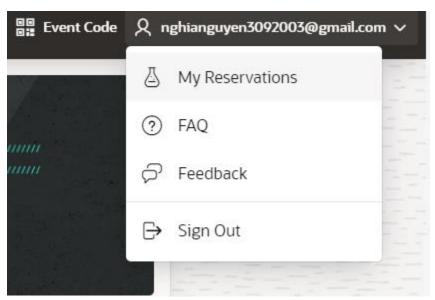
Ý kiến (nếu có) + Khó khăn gặp phải + Đề xuất, góp ý	
Điểm tự đánh giá (bắt buộc)	9.5 /10

## **Lab 1: Environment Setup**

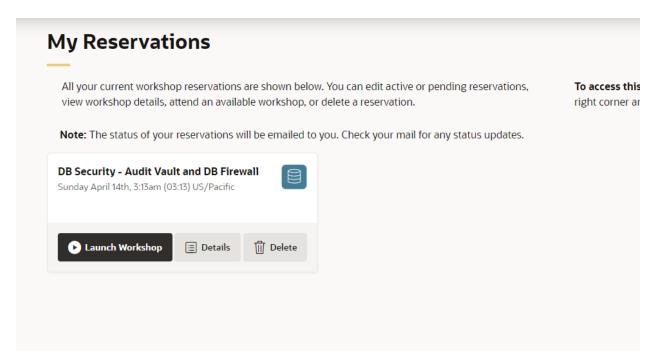
### Task 1: Access the Graphical Remote Desktop:

Để hoàn thành lab 1 này, em sẽ thực hiện theo hướng dẫn với các bước như sau:

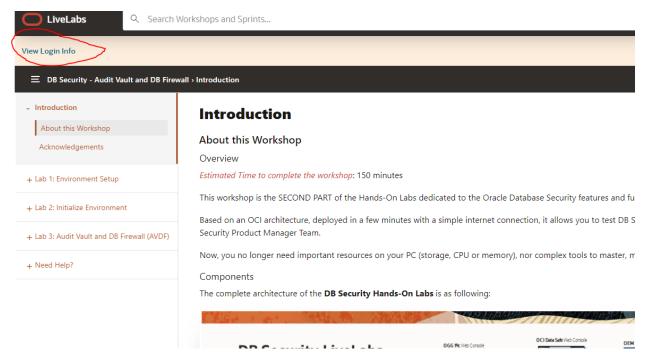
Truy cập vào mục "My Reservations":



Màn hình như sau xuất hiện:

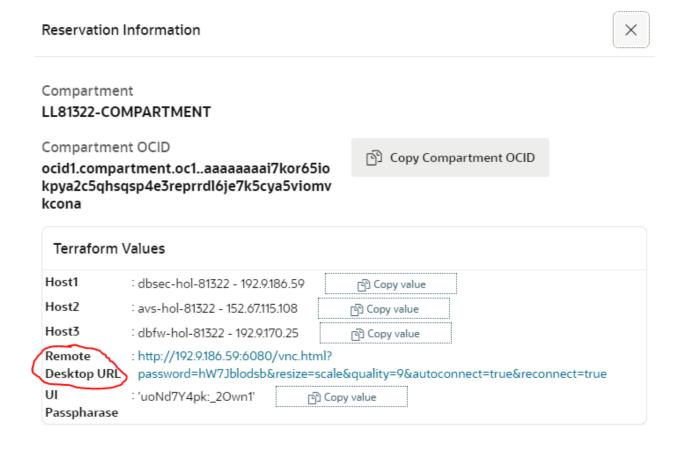


Kế đến là ấn vào nút "Launch Workshop" và chọn vào "View Login Info":

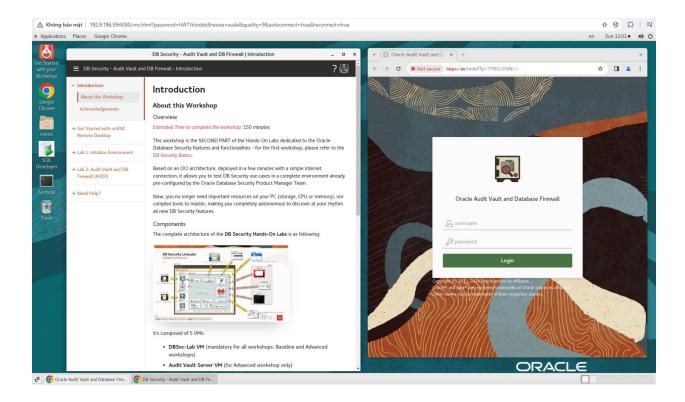


Rồi chọn vào "Remote Desktop URL":





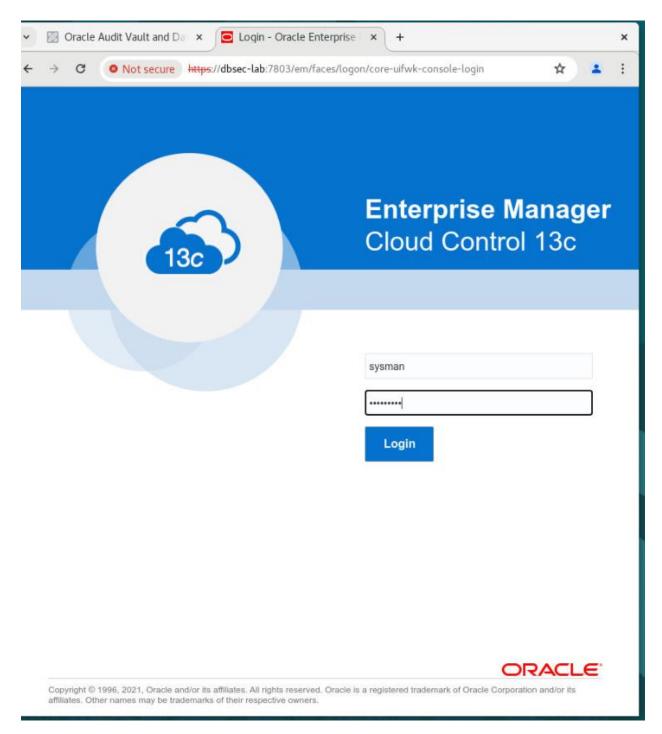
Kết quả nhận được:



#### **Lab 2: Initialize Environment**

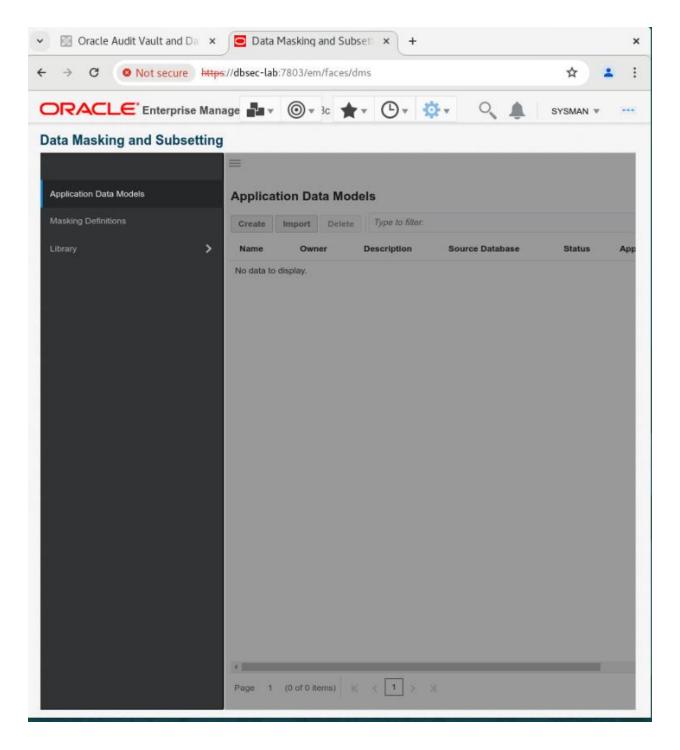
#### Task 1: Validate That Required Processes are Up and Running:

Em sẽ thực hiện đăng nhập vào Enterprise Manager với Username là sysman và Password là Oracle123:



Sau khi đăng nhập thành công, màn hình sau hiển thị:

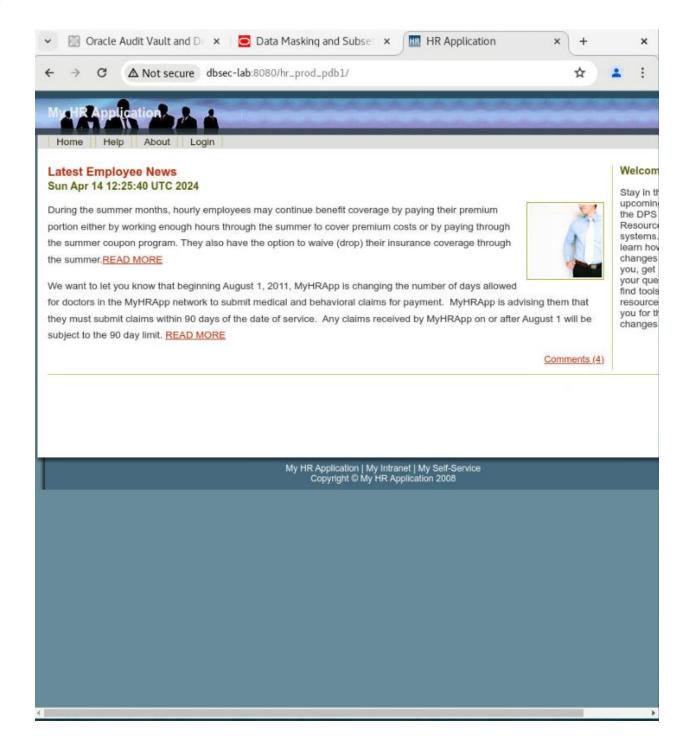




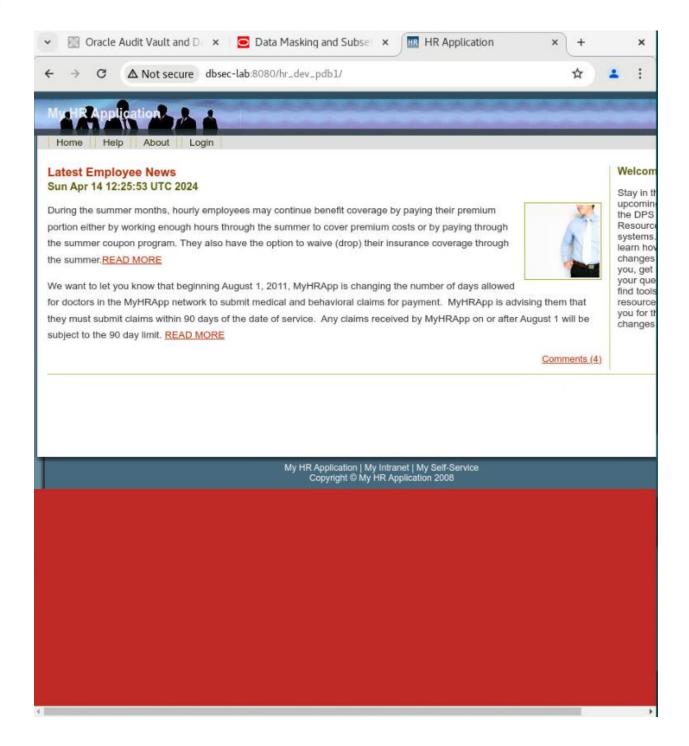
Kế đến em thực hiện mở tab mới và chạy các đường dẫn sau để kiểm tra xem môi trường đã sẵn sàng chưa:



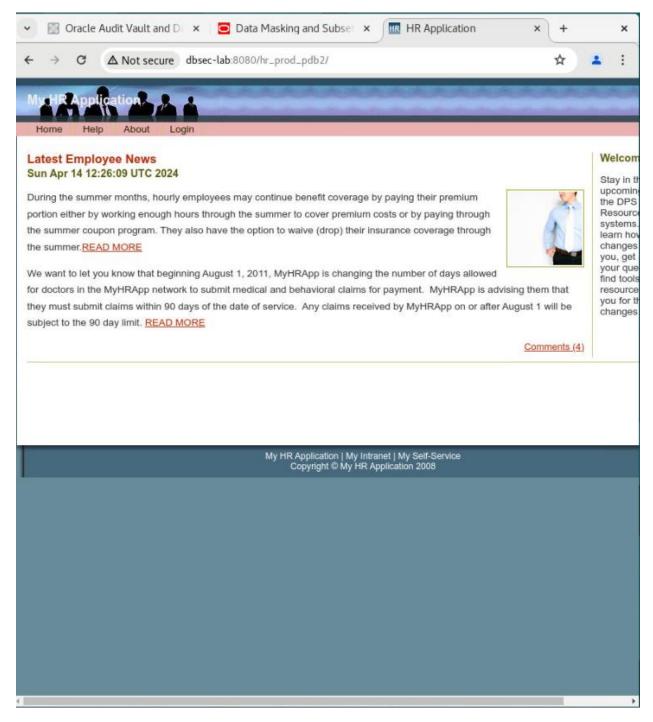
Với đường dẫn thứ nhất:



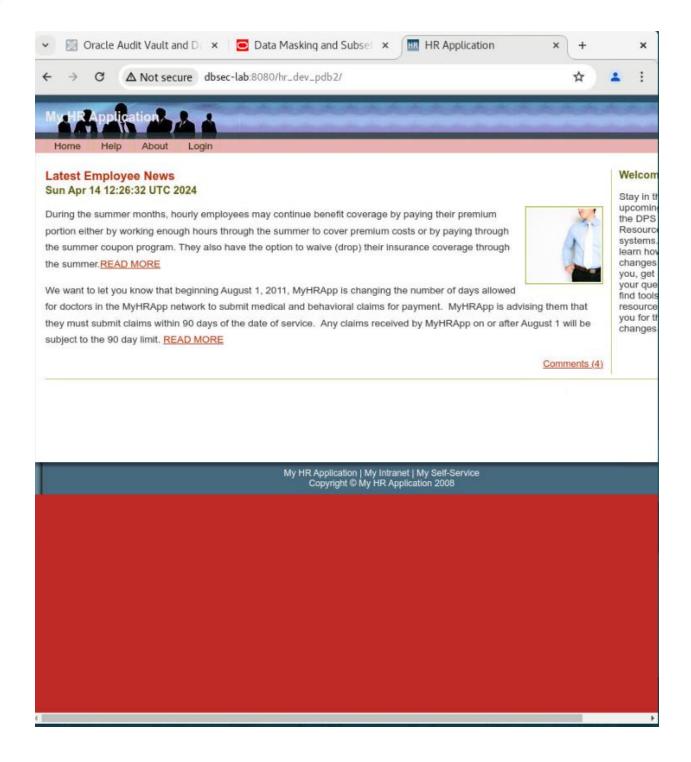
Đường dẫn thứ 2:



Đường dẫn thứ 3:



Đường dẫn thứ 4:



Qua các kết quả trên có thể thấy được rằng cả 4 đường dẫn đều chạy, có thể kết luận rằng môi trường đã sẵn sàng.

#### Task 2 - Set Glassfish to use pdb1 database in the dbseclab VM:

Bước đầu tiên em sẽ mở terminal lên và chạy lệnh "sudo su – oracle":

```
ENV VARIABLES
            = 192.9.186.59
  PUBLIC IP
  PRIVATE IP = 10.0.0.150
            = dbsec-lab
  HOSTNAME
. ORACLE HOME = /u01/app/oracle/product/19.0.0/dbhome 1
. DATA DIR
          = /u01/oradata/cdb1
 . DBSEC HOME = /home/oracle/DBSecLab
  DBSEC ADMIN = /home/oracle/DBSecLab/admin
  DBSEC LABS = /home/oracle/DBSecLab/livelabs (Alias: labs)
  ORACLE SID = cdb1
  PDB NAME
            = pdb1
            = uoNd7Y4pk: 20wn1
  AVUSR PWD
  OKVUSR PWD =
                   USE THIS SCRIPT TO CHANGE ENV
      source /home/oracle/DBSecLab/admin/setEnv-cdb.sh <CDB> <PDB>
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab]$ sudo su - oracle
```

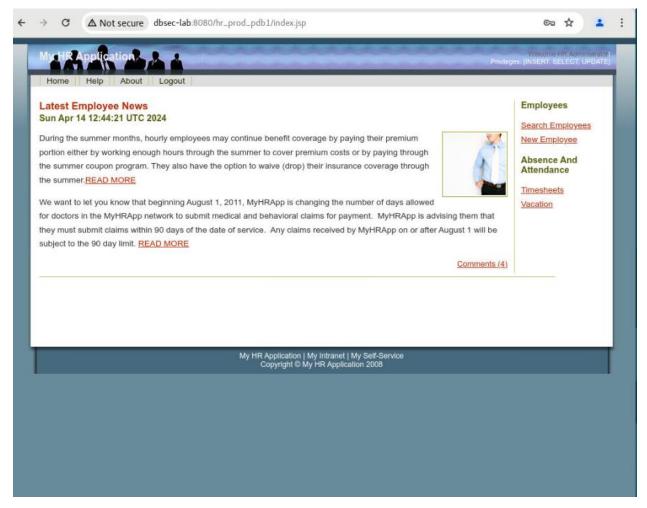
Sau đó đến đường dẫn "\$DBSEC\_LABS/sqlfw":

```
ENV VARIABLES
  PUBLIC IP = 192.9.186.59
  PRIVATE IP = 10.0.0.150
 HOSTNAME
           = dbsec-lab
. ORACLE HOME = /u01/app/oracle/product/19.0.0/dbhome 1
  DATA DIR
          = /u01/oradata/cdb1
  DBSEC HOME = /home/oracle/DBSecLab
  DBSEC_ADMIN = /home/oracle/DBSecLab/admin
  DBSEC LABS = /home/oracle/DBSecLab/livelabs (Alias: labs)
. ORACLE SID = cdb1
. PDB NAME
            = pdb1
  AVUSR PWD = uoNd7Y4pk: 20wn1
  OKVUSR PWD =
                  USE THIS SCRIPT TO CHANGE ENV
     source /home/oracle/DBSecLab/admin/setEnv-cdb.sh <CDB> <PDB>
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab]$ cd $DBSEC LABS/sqlfw
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/sqlfw]$
```

Chay "./sqlfw\_glassfish\_stop\_db23c.sh":

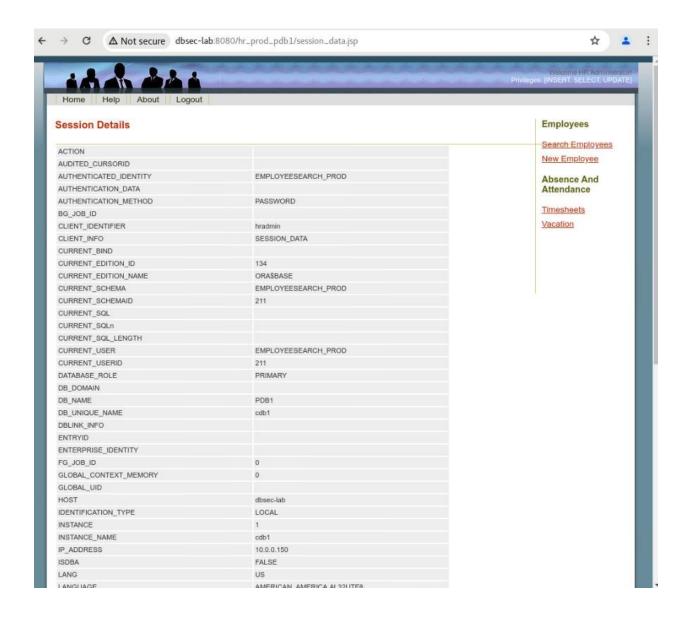
```
USE THIS SCRIPT TO CHANGE ENV
      source /home/oracle/DBSecLab/admin/setEnv-cdb.sh <CDB> <PDB>
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab]$ cd $DBSEC LABS/sqlfw
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/sqlfw]$ ./sqlfw glassfish stop db23c.sh
Restore the Glassfish App connection string to direct connect mode...
 Stop Glassfish App...
_______
Waiting for the domain to stop .
Command stop-domain executed successfully.
 Copy the config file to change the connection string to direct connect mode
Start Glassfish App...
Waiting for domain1 to start .....
Successfully started the domain : domain1
domain Location: /u01/app/glassfish/glassfish4/glassfish/domains/domain1
Log File: /u01/app/glassfish/glassfish4/glassfish/domains/domain1/logs/server.log
Admin Port: 4848
Command start-domain executed successfully.
 You can login to the apps using the appropriate URL:
http://192.9.186.59:8080/hr dev pdb1
http://192.9.186.59:8080/hr dev pdb2
http://192.9.186.59:8080/hr prod pdb1
http://192.9.186.59:8080/hr prod pdb2
 The Glassfish App is now running with the following configuration
oJDBCDriver = oracle.jdbc.OracleDriver
oJDBCURL = jdbc:oracle:thin:@//dbsec-lab:1521/pdb1
oJDBCUser = EMPLOYEESEARCH PROD
oJDBCPassword = Oracle123
     oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/sqlfwl$
```

Tiếp đến em sẽ kiểm tra xem nó đã hoạt động đúng mong đợi chưa bằng cách truy cập vào url http://dbsec-lab:8080/hr\_prod\_pdb1 để kết nối đến Glassfish App. Rồi đăng nhập vào với username là "hradmin" và password là "Oracle123":



Sau khi đăng nhập xong thì màn hình như trên xuất hiện ra.

Lúc này khi bấm vào dòng chữ "Welcome HR Administrator" ở bên góc phải trên cùng màn hình thì cửa sổ Session Details xuất hiện:



# Lab 3: Audit Vault and DB Firewall (AVDF)

#### Task 1: Reset the randomly generated password:

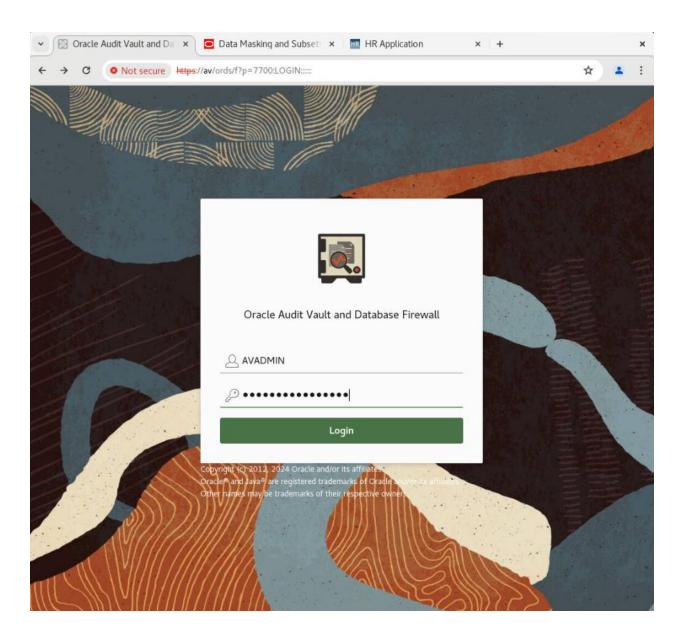
Bước đầu em sẽ truy cập đến đường dẫn "\$DBSEC\_LABS/avdf/avs" thông qua terminal:

```
______
ENV VARIABLES
 PUBLIC IP = 192.9.186.59
 PRIVATE IP = 10.0.0.150
         = dbsec-lab
 HOSTNAME
. ORACLE HOME = /u01/app/oracle/product/19.0.0/dbhome 1
        = /u01/oradata/cdb1
. DBSEC HOME = /home/oracle/DBSecLab
 DBSEC ADMIN = /home/oracle/DBSecLab/admin
. DBSEC LABS = /home/oracle/DBSecLab/livelabs (Alias: labs)
. ORACLE SID = cdb1
 PDB NAME
         = pdb1
          = uoNd7Y4pk: 20wn1
 AVUSR PWD
. OKVUSR PWD =
               USE THIS SCRIPT TO CHANGE ENV
    source /home/oracle/DBSecLab/admin/setEnv-cdb.sh <CDB> <PDB>
______
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab]$ cd $DBSEC_LABS/avdf/avs
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$
```

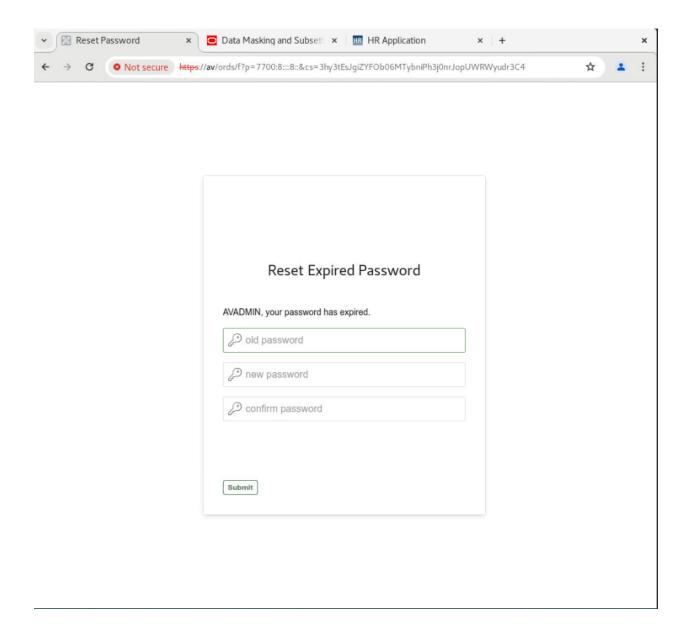
Sau đó sẽ mở "\$AVUSR\_PWD" lên:

```
ENV VARIABLES
             = 192.9.186.59
  PUBLIC IP
  PRIVATE IP = 10.0.0.150
  HOSTNAME
             = dbsec-lab
 . ORACLE HOME = /u01/app/oracle/product/19.0.0/dbhome 1
          = /u01/oradata/cdb1
  DATA DIR
  DBSEC HOME = /home/oracle/DBSecLab
  DBSEC ADMIN = /home/oracle/DBSecLab/admin
  DBSEC LABS = /home/oracle/DBSecLab/livelabs (Alias: labs)
 . ORACLE SID = cdb1
             = pdb1
  PDB NAME
 . AVUSR PWD
             = uoNd7Y4pk: 20wn1
 . OKVUSR PWD =
                   USE THIS SCRIPT TO CHANGE ENV
      source /home/oracle/DBSecLab/admin/setEnv-cdb.sh <CDB> <PDB>
______
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab]$ cd $DBSEC LABS/avdf/avs
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$ echo $AVUSR PWD
uoNd7Y4pk: 20wn1
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$
```

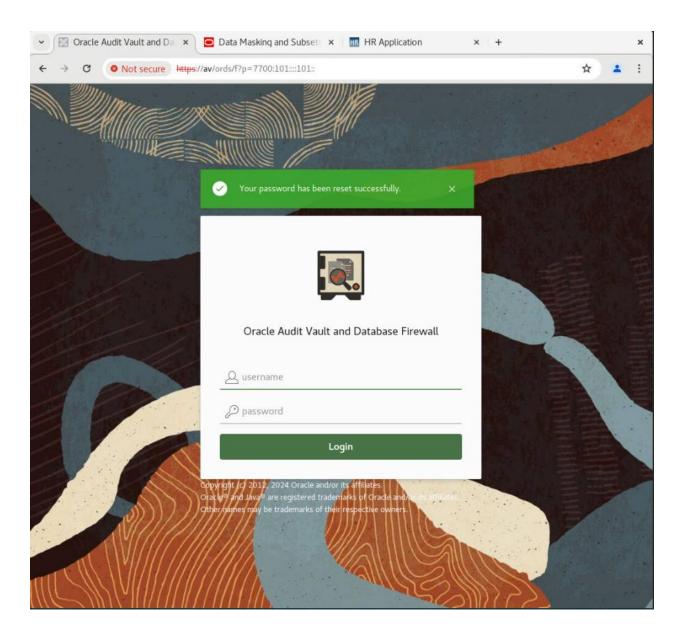
Kế tiếp em thực hiện truy cập đến <a href="https://av">https://av</a> và đặng nhập với username là AVADMIN, password là password random vừa mở từ \$AVUSR\_PWD:



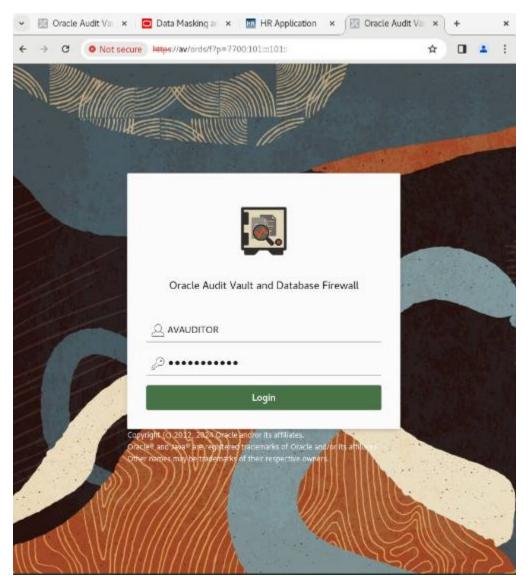
Sau khi đăng nhập xong, màn hình reset password hiện ra:



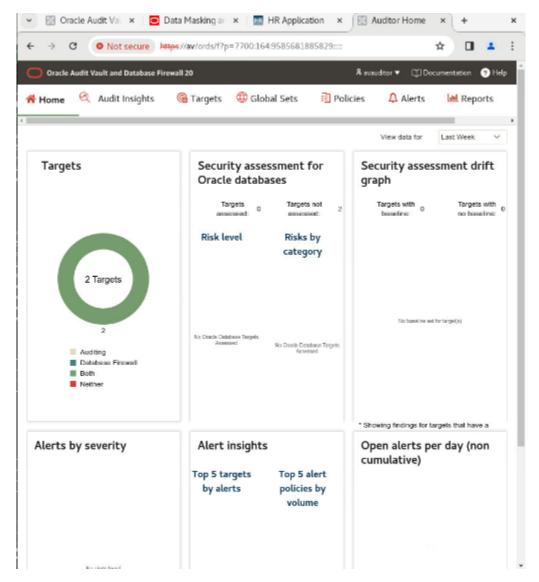
Em tiến hành đổi password và submit, kết quả nhận được là:



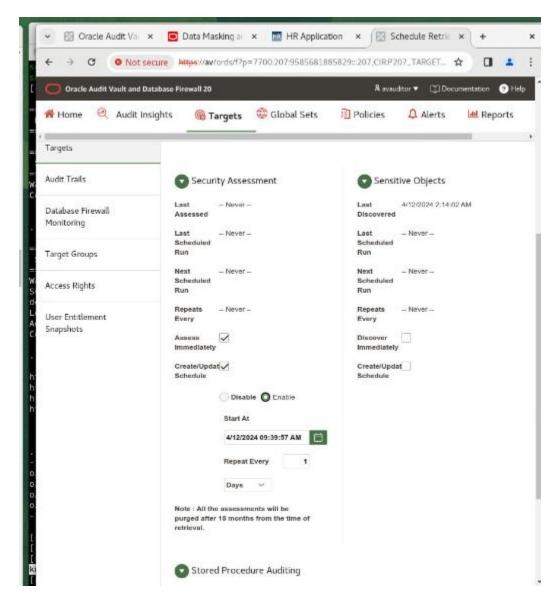
Task 2: Assess and Discover:



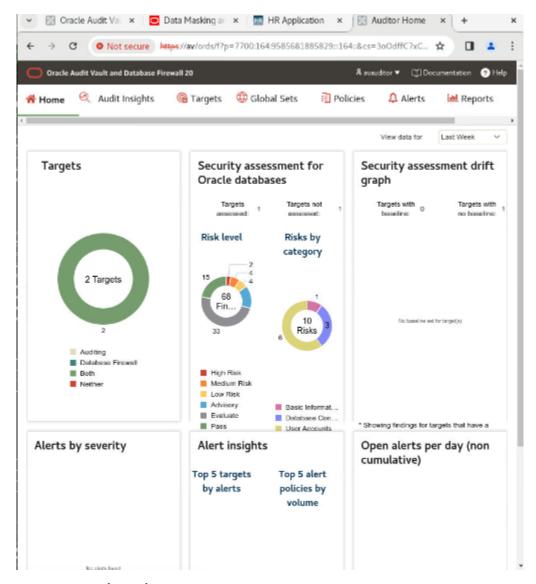
Login vào tài khoản AVAUDITOR bằng mật khẩu đã đổi ở task1



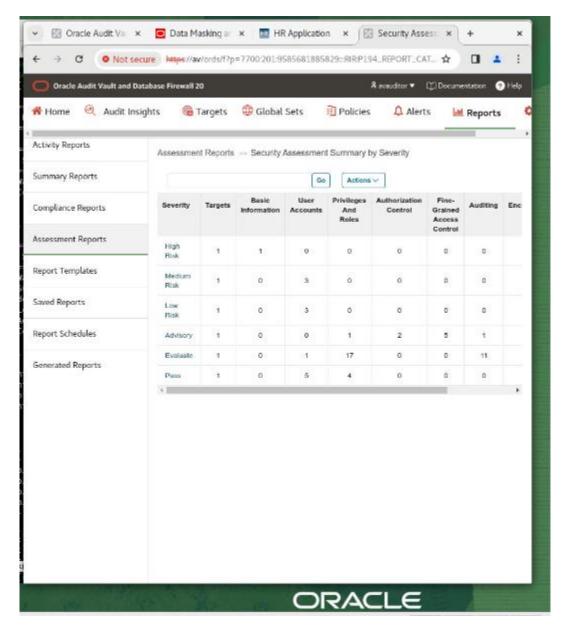
Màn hình home của tài khoản:



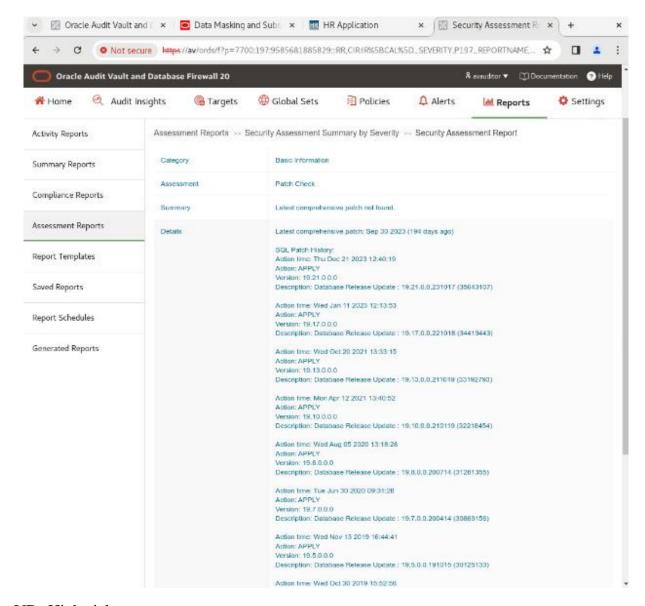
Trong tab Target, click vào **Schedule Retrieval Jobs** của pdb1. Tick vào 2 ô trong mục Security Assesment và enable. Nhấn Save:



Quay lại Home, ta thấy phần Security Assessment đã có thêm các mục mới

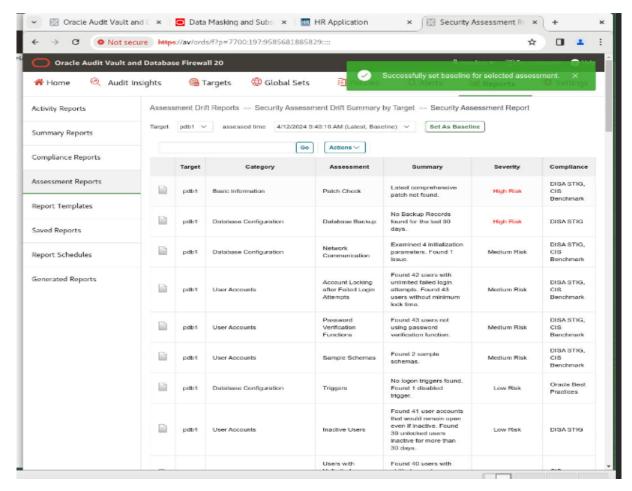


Trong tab Report, click vào Security Assessment Summary by Serenity trong cột Assessment Report. Ta có thể thấy các risk với các mức độ báo động khác nhau.



VD: High risk assessments





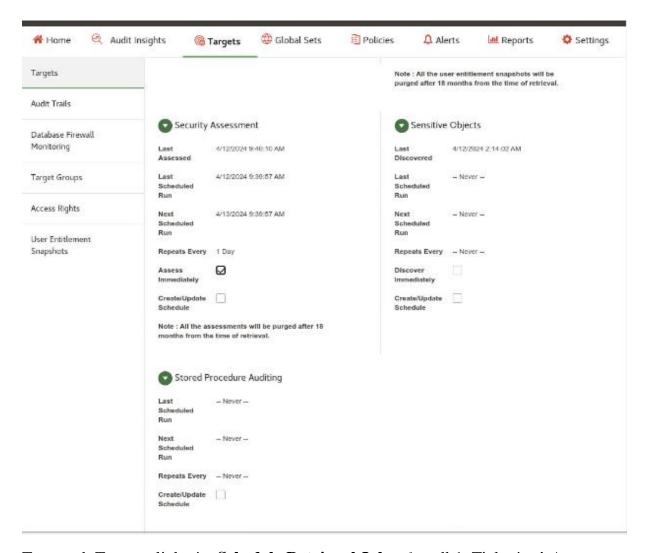
Trong mục Target with no baseline ở Home, ta chọn pdb1 để set baseline.

```
[cdb1:oracle@dbsec-lab:-]$ cd $DBSEC_LABS/avdf/avs
[cdb1:oracle@dbsec-lab:-/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$ ./avs_drift-gen.sh pdb1

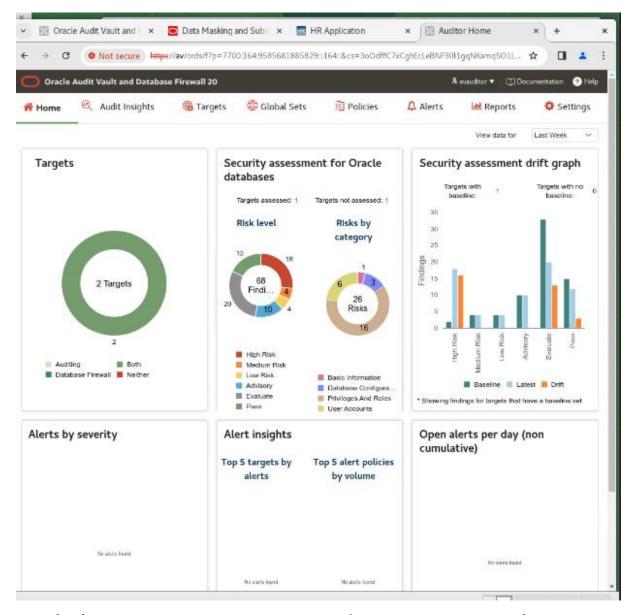
Generate drift on pdb1...

Grant succeeded.
[cdb1:oracle@dbsec-lab:-/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$
```

Tạo drift cho pdb1



Trong tab Target, click vào **Schedule Retrieval Jobs** của pdb1. Tick vào ô Assess Imediately trong mục Security Assesment và enable. Nhấn Save



Ta thấy rằng mục Target with baseline đã chuyển thành 1 với dữ liệu thống kê cho pdb1

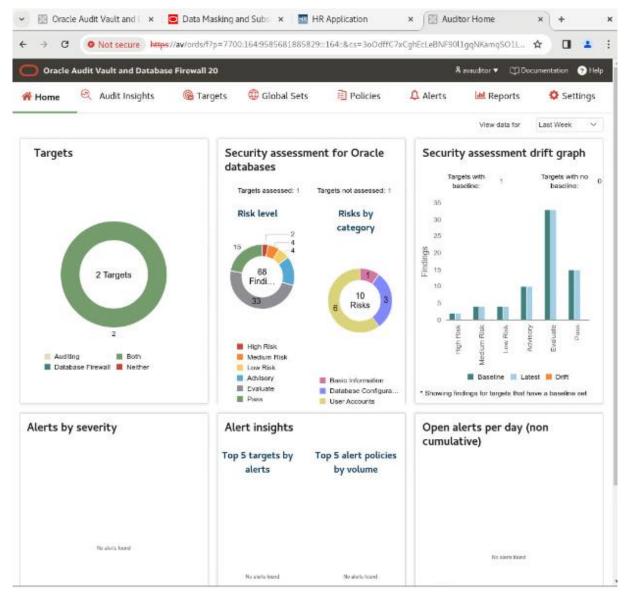
```
[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$ ./avs_mitigate-risk.sh pdb1

Mitigate the drift risk on pdb1...

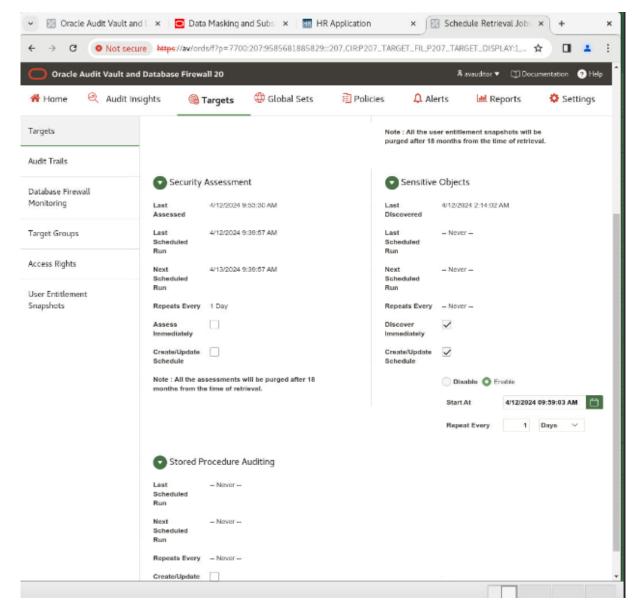
Revoke succeeded.

[cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$
```

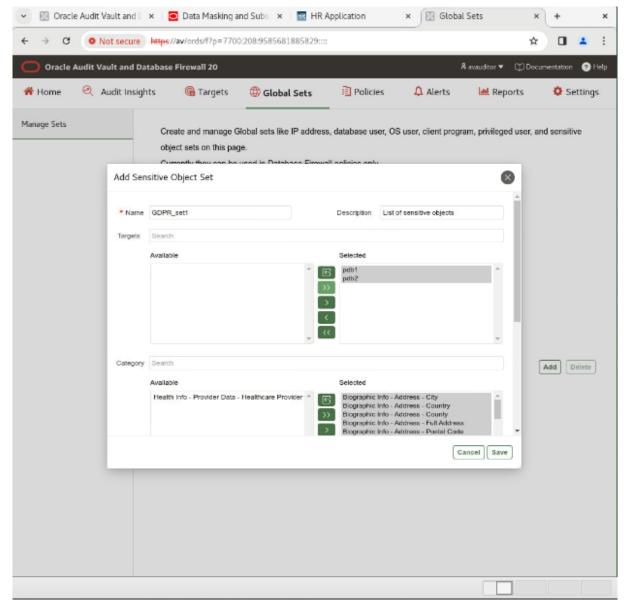
Giảm độ risk của drift trên pdb1



Kết quả sau khi giảm độ risk của drift trên pdb1



Trong tab Target, click vào **Schedule Retrieval Jobs** của pdb1. Tick vào 2 ô trong mục **Sensitive Objects** và enable. Nhấn Save



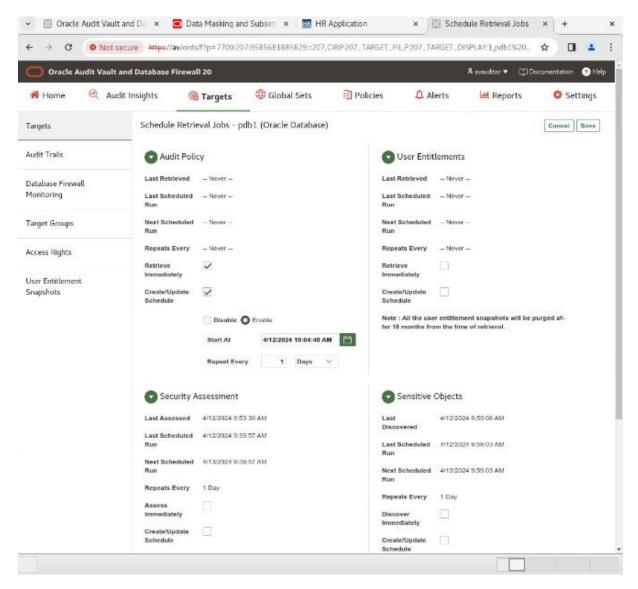
Trong tab Global Sets, click vào hành **Sensitive object sets** để mở rộng. Chọn add. Đặt tên, mô tả và chọn cả 2 pdb1 và pdb2. Nhấn Save



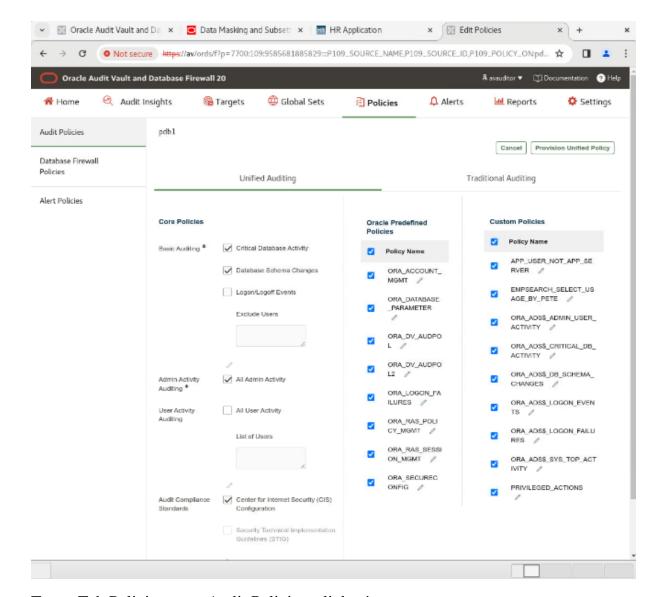


Kết quả sau khi tạo sets

Task3: Audit and Monitor:



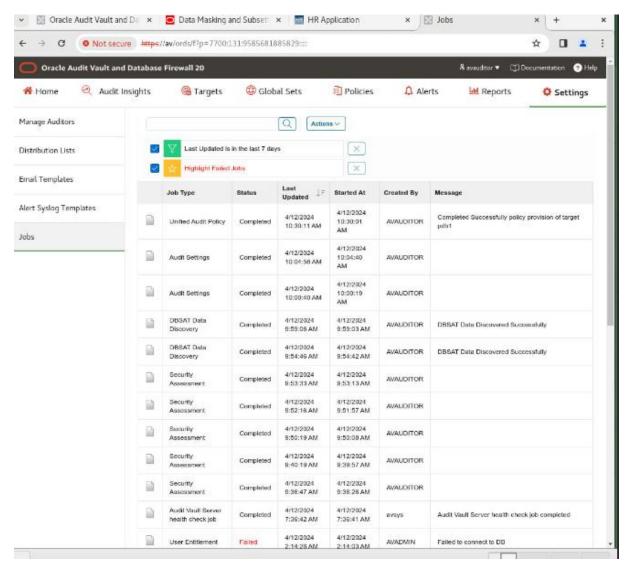
Trong tab Target, click vào **Schedule Retrieval Jobs** của pdb1. Tick vào 2 ô trong mục **Audit Policy** và enable. Nhấn Save



Trong Tab Policies, muc Audit Policies, click các muc:

- Critical Database Activity
- Database Schema Changes
- All Admin Activity
- Center for Internet Security (CIS) Configuration

Nhấn Provision Unified Policy



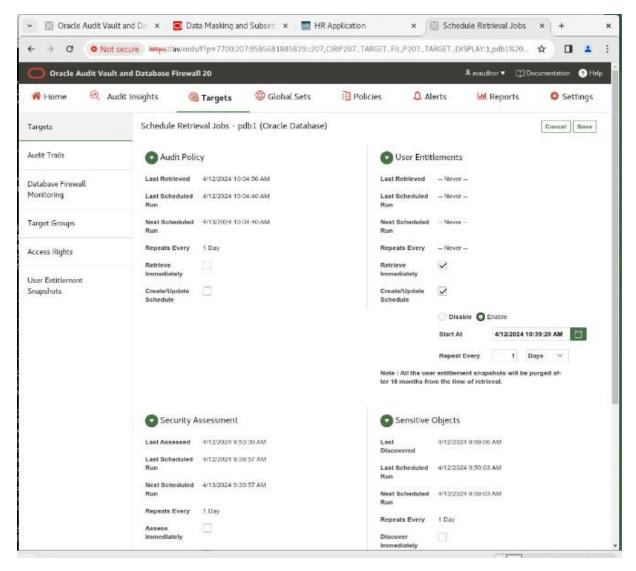
Kiểm tra trong mục Setting, trong mục Jobs ta có thể thấy một job tên **Unified Audit Policy** đã hoàn thành ở trên đầu

```
cdb1:oracle@dbsec-lab:~/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$ ./avs_query_all_unified_policies.sh
 List all of the Unified Audit Policies in the pluggable database pdb1... This includes enabled and disabled policies!
   List all the Unified Audit policies
POLICY NAME
APP_USER_NOT_APP_SERVER
EMPSEARCH SELECT USAGE BY PETE
ORA_ACCOUNT_MGMT
ORA ADS$ ADMIN USER ACTIVITY
ORA_ADS$_CRITICAL_DB_ACTIVITY
ORA_ADS$_DB_SCHEMA_CHANGES
ORA_ADS$_LOGON_EVENTS
ORA_ADS$_LOGON_FAILURES
DRA ADS$ SYS TOP ACTIVITY
ORA_AVS_ADMIN_USER_ACTIVITY
ORA_AVS_CRITICAL_DB_ACTIVITY
ORA_AVS_DB_SCHEMA_CHANGES
ORA_AVS_SYS_TOP_ACTIVITY
ORA_CIS_RECOMMENDATIONS
ORA DATABASE PARAMETER
ORA_DV_AUDPOL
ORA_DV_AUDPOL2
ORA_LOGON_FAILURES
ORA_RAS_POLICY_MGMT
ORA_RAS_SESSION_MGMT
ORA_SECURECONFIG
PRIVILEGED_ACTIONS
22 rows selected.
  cdbl:oracle@dbsec-lab:-/DBSecLab/livelabs/avdf/avs]$
```

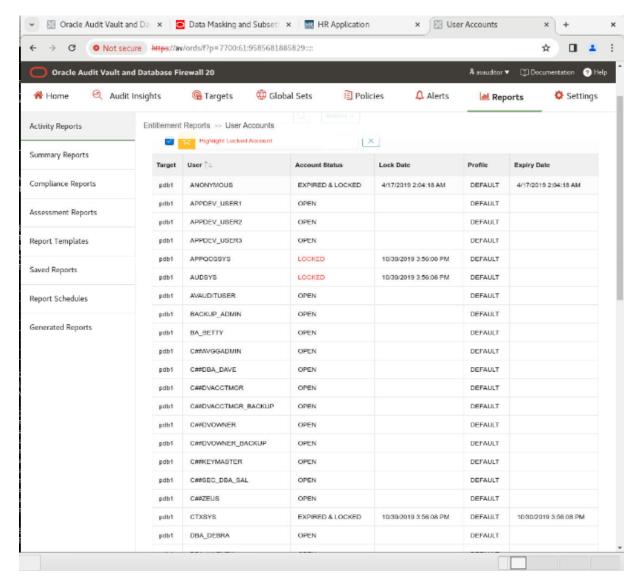
Kiểm tra các Unified Audit Policies sử dụng SQL\*Plus

	List the enabled Unified Audit policies								
DLICY_NAME	ENABLED_OPTION	ENTITY_NAME	ENTITY_TYPE	SUCCESS	FAILURE				
RIVILEGED_ACTIONS	BY GRANTED ROLE		ROLE	YES	YES				
RA SECURECONFIG	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA RAS SESSION MGMT	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA RAS POLICY MGMT	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA_LOGON_FAILURES	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA_DV_AUDPOL2	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA DV AUDPOL2  RA DV AUDPOL  RA DATABASE PARAMETER  RA CIS RECOMMENDATIONS  RA AVS SYS TOP ACTIVITY  RA AVS DB SCHEMA CHANGES  RA AVS CRITICAL DB ACTIVITY  RA AVS ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YE5				
RA_DATABASE_PARAMETER	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA_CIS_RECOMMENDATIONS	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA_AV\$_5YS_TOP_ACTIVITY	BY USER	SYS	USER	YES	YES				
RA_AV\$_DB_SCHEMA_CHANGES	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
&A_AV\$_CRITICAL_DB_ACTIVITY	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA AVS ADMIN USER ACTIVITY	BY GRANTED ROLE	DATAPUMP IMP FULL DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA_AV\$_ADMIN_USER_ACTIVITY	BY GRANTED ROLE	DATAPUMP_EXP_FULL_DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA_AV\$_ADMIN_USER_ACTIVITY	BY GRANTED ROLE	IMP_FULL_DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA AVS ADMIN USER ACTIVITY	BY GRANTED ROLE		ROLE	YES	YES				
		SYSRAC	USER	YES	YES				
RA_AV\$_ADMIN_USER_ACTIVITY	BY USER	SYSKM	USER	YES	YES				
RA AV\$ ADMIN_USER_ACTIVITY	BY USER	SYSDG	USER	YES	YES				
RA_AV\$_ADMIN_USER_ACTIVITY	BY USER	SYSBACKUP	USER	YES	YES				
RA_AV\$_ADMIN_USER_ACTIVITY	BY USER	PUBLIC PATABASE	USER	YES	YES				
RA AV\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	SYS	ROLE	YES YES	YES YES				
RA_ADS\$_SYS_TOP_ACTIVITY RA_ADS\$_LOGON_FAILURES	BY USER	ALL USERS	USER USER	NO NO	YES				
RA ADS\$ LOGON EVENTS	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA ADS\$ DB SCHEMA CHANGES	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA ADS\$ CRITICAL DB ACTIVITY	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	SYSBACKUP	USER	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY GRANTED ROLE		ROLE	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	PUBLIC	USER	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	SYSDG	USER	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY		DATAPUMP IMP FULL DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY		DATAPUMP EXP FULL DATABASE	ROLE	YES	YES				
A ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	SYSKM	USER	YES	YES				
A ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY	BY USER	SYSRAC	USER	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY		EXP FULL DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA ADS\$ ADMIN USER ACTIVITY		IMP FULL DATABASE	ROLE	YES	YES				
RA ACCOUNT MGMT	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
MPSEARCH SELECT USAGE BY PETE	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				
PP USER NOT APP SERVER	BY USER	ALL USERS	USER	YES	YES				

Kiểm tra các Unified Audit Policies đã được bật.



Trong tab Target, click vào **Schedule Retrieval Jobs** của pdb1. Tick vào 2 ô trong mục **User Entitlements** và enable. Nhấn Save



Trong tab Reports, ở phần **Entitlement Reports**, nhấn vào **User Accounts**. Ở phần label chọn Latest và chọn tất cả Target Name, sau khi nhấn Go ta sẽ có được danh sách user entitlement.